TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-PT
Ngày 28-01-2019
"V/v tranh chấp thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quán
Các Thẩm phán: Ông Hồ Chí Tâm
Ông Trần Văn Khánh

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Long An

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2014/DS-ST ngày 20/3/2014 của Toà án nhân dân huyện Cần Đước có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Ngô Văn P, sinh năm 1950;

2. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1954;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Long Hựu Đ, huyện C, Long An.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn Ph, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp T, xã Long Hựu Đ, huyện C, Long An.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị Ng, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp T, xã Long Hựu Đ, huyện C, Long An.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Ngô Văn Ph.

Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Ngô Văn P trình bày:

Cha của ông là ông Ngô Văn Đ chết năm 1996 không để lại di chúc, có làm thủ tục khai tử. Mẹ của ông là bà Nguyễn Thị N chết năm 2005 cũng không để lại di chúc, không làm thủ tục khai tử.

Ông Đ và bà N chết để lại di sản là quyền sử dụng đất hiện nay là thửa 2303, loại đất thổ, diện tích 869m^2 và thửa 2305, loại đất thổ vườn, diện tích 1314m^2, cùng thuộc tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã Long Hựu Đ, huyện C, tỉnh Long An do ông Ngô Văn Ph đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài thửa đất 2303 và 2305, cha và mẹ ông còn để lại 54 sào đất lúa do ông Ph đứng tên. Vào năm 1996, các anh em đã thỏa thuận chia cho ông Ph 30 sào, ông P 12 sào và bà L 12 sào. Ngoài ra, ông Đ và bà N còn để lại một căn nhà nhưng hiện nay căn nhà đã sập đổ nên ông xây nhà mới mái tole, vách thiếc, xà gỗ, nền xi măng để ở trên nền nhà cũ của cha mẹ. Nền nhà của ông thuộc phần đất do Phát đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Đ, bà N không để lại nghĩa vụ tài chính nào, không có vay nợ của ai.

Cha mẹ ông có tất cả 03 người con gồm ông, bà Ngô Thị L và ông Ngô Văn Ph. Ngoài ra, không có người con nào khác.

Vào năm 2009, ông có nộp đơn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hựu Đ và Uỷ ban đã tiến hành hòa giải ngày 17/7/2009 nhưng không đạt kết quả. Ông khiếu nại và nộp đơn nhiều lần ở Ủy ban nhân dân cũng như ở Tòa án nhưng đến năm 2013 thì Tòa án mới thụ lý đơn. Khi ông nộp đơn yêu cầu chia đất tại UBND xã Long Hựu Đ thì bà L cũng nộp đơn xin chia đất thổ vườn nhưng không được ông Ph đồng ý. Năm 2009, ông kiện yêu cầu đòi đất chứ không yêu cầu chia thừa kế vì sau khi cha mất các anh em đã chia đất ruộng xong như ông trình bày. Riêng phần đất thổ vườn tại thửa 2303 và 2305 ông và ông Ph viết giấy tay chia mỗi người một nửa nhưng ông Phát không làm thủ tục tách quyền cho ông nên ông gửi đơn yêu cầu giải quyết.

Nay ông yêu cầu chia thừa kế di sản của cha, mẹ ông để lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất 2303 và 2305, cụ thể: chia cho ông khu A (diện tích 254m^2), khu B (diện tích 204m^2) và khu B1 (diện tích 327.7m^2). Tổng diện tích đất chia thừa kế mà ông yêu cầu được nhận là 785,7m^2. Vị trí tứ cận, chiều dài các cạnh của khu đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Công ty TNHH Mỹ Hưng đo vẽ, được Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 10/03/2014. Riêng phần đất lúa 54 sào do cha, mẹ ông để lại nhưng các anh em đã thỏa thuận chia nên ông không yêu cầu chia. Cha và mẹ ông không còn để lại tài sản nào khác.

Nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày: Bà thống nhất về quan hệ huyết thống, và tài sản của cha mẹ, củng như năm mất của cha mẹ như ông P trình bày. Lúc cha của bà còn sống có hứa cho bà quản lý, sử dụng đất nhưng không làm thủ tục. Nay bà yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại vị trí khu B2 diện tích 563,8m^2 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Công ty TNHH Mỹ Hưng đo vẽ, được Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 10/03/2014. Năm 2009, bà cùng với ông Phụng nộp đơn tại UBND xã Long Hựu Đ để xin chia đất phần đất thổ vườn nhưng không được ông Phát chấp nhận. Bà đã có đất ở khoảng hơn 200m^2, nhưng có 03 người con trai nên yêu cầu chia đất từ ông Đ, bà N để lại chứ không nhận giá trị bằng tiền. Căn nhà cha mẹ để lại đã bị sập, hư hỏng, căn nhà ông P ở do ông P tự cất, bà không tranh chấp căn nhà này. Ngoài phần đất yêu cầu chia thừa kế là thửa 2303 và 2305, ông Đ và bà N còn để lại 54 sào đất lúa do ông Ph đứng tên, các anh em đã thỏa thuận chia cho ông Ph 30 sào, ông P 12 sào và bà 12 sào vào năm 1996, bà không yêu cầu chia phần đất lúa này. Ông Đ, bà N không để lại nghĩa vụ tài chính nào, không có vay nợ của ai. Nếu phần đất được chia có các loại cây trồng của ông Ph, bà không yêu cầu buộc ông Ph di dời cây trồng mà để bà tự quyết định nhưng bà không đồng ý bồi hoàn giá trị cây trồng cho ông Ph.

Bị đơn ông Ngô Văn Ph trình bày như sau:

Về quan hệ huyết thống, tài sản của cha mẹ và năm mất của cha mẹ như ông P và bà L trình bày. Ông Đ, bà N chết không để lại nghĩa vụ tài chính nào, không có vay nợ của ai. Nguồn gốc đất là của cha mẹ ông tạo lập từ năm 1950. Đến năm 1980, cha ông giao lại cho ông quản lý sử dụng. Lúc đó cha ông đã già yếu nên giao lại cho ông quản lý nhưng không làm thủ tục. Trước đó, cha mẹ ông chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất là đất hương quả do ông bà để lại. Năm 1980, ông P, bà L đã có gia đình riêng, ông sống trong gia đình nuôi cha, thời điểm này ông đã cưới bà Ng.

Nay ông đồng ý chia 254m^2 đất thổ tại thửa 2303 cho ông P, phần đất gắn liền với căn nhà ông P đang ở. Ông không đồng ý chia chia cho bà L vì bà L là con gái, theo tục lệ thì con gái không được hưởng tài sản cha mẹ để lại. Ngoài ra, các anh em cũng đã thỏa thuận chia 54 sào đất lúa do ông Đ, bà N để lại, ông nhận 30 sào, ông P nhận 12 sào và bà L nhận 12 sào. Như vậy, bà L cũng đã được chia đất ruộng. Sau khi chia ruộng cho anh em xong, ông và ông P có thỏa thuận chia phần đất thổ vườn làm 02 phần vì ông P nói để ông P phụng sự mẹ, còn ông phụng sự cha. Vì vậy, ông đồng ý ký tờ tương phân nhưng vì ông P không phụng dưỡng mẹ nên ông không đồng ý chia cho ông P như thỏa thuận. Căn nhà ông P ở từ trước đến nay, ông không có tranh chấp căn nhà. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ông P và bà L ông đồng ý giao toàn bộ các loại cây trồng trên

phần đất chia cho bà L, ông P. Ông tự tháo dỡ chuồng gia cầm để chia đất mà không yêu cầu hoàn lại giá trị bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Ng trình bày: Bà thống nhất ý kiến của ông Ph, không có bổ sung gì thêm.

Ngày 03/10/2013, ông Ngô Văn P nộp đơn khởi kiện.

Ngày 22/10/2013, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án.

Ngày 24/10/2013, bà Ngô Thị L có đơn yêu cầu xin chia thừa kế.

Tòa án hòa giải không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2014/DS-ST ngày 20/3/2014 Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ vào Điều 25, Điều 33, Điều 131 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 631, 632, 634, 635, 638, 645, 675 và 676 Bộ luật Dân sự; Điều 105, 107 Luật Đất đai năm 2003; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Bác yêu cầu của ông Ngô Văn P và bà Ngô Thị L về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Ngô Văn Đ.

Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn P và bà Ngô Thị L về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị N.

- Ông Ngô Văn P được quyền quản lý, sử dụng và được quyền đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu A, diện tích 254m^2 loại ở tại nông thôn, thuộc một phần thửa 2303, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã Long Hựu Đ, huyện C, Long An theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Công ty TNHH Mỹ Hưng đo vẽ được Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 10/3/2014.

- Buộc ông Ngô Văn Ph và bà Phan Thị Ng phải tháo dỡ 02 chuồng gia cầm để giao cho bà Ngô Thị L sử dụng diện tích đất 471,1m^2 loại đất trồng cây hàng năm khác, thuộc một phần thửa 2305, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã Long Hựu Đ, huyện C, Long An. Vị trí đất của bà L được xác định thuộc một phần khu B2 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Công ty TNHH Mỹ Hưng đo vẽ được Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 10/3/2014, vị trí đất lấy đường giáp ranh của thửa 2305 và thửa 2301 kéo đều về hướng đường giáp ranh với khu A2 và B1 cho đến khi đủ diện tích 471,1m^2 cho bà L; bà L được quyền đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia.

- Ông Ngô Văn Ph được quyền quản lý, sử dụng và đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 139m^2 đất thuộc một phần thửa 2303, trong đó có phần đất gắn liền với căn nhà diện tích 110m^2 mà ông Ph

và bà Ng hiện nay đang quản lý, sử dụng tại khu A2 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Công ty TNHH Mỹ Hưng đo vẽ, được Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 10/3/2014 và lấy đều ra phần đất liền kề với các cạnh của căn nhà sao cho đủ diện tích được chia là 139m^2. Ông Ph được quyền quản lý, sử dụng và đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 135,15m^2 thuộc một phần thửa 2305 bao gồm phần còn lại của khu B2 là 92,7m^2 (563,8 – 471,1 = 92,7) và 42,45m^2 thuộc một phần đất của khu B1 giáp với khu A2.

Về lệ phí đo đạc, thẩm định: Ông P, ông Ph, bà L mỗi người phải chịu 1.177.000 đồng. Bà L, ông Ph mỗi người phải nộp để hoàn lại cho ông P 1.177.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P phải chịu 5.119.450 đồng, được khấu trừ 1.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo biên lai số 005445 ngày 22/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ông P còn phải nộp tiếp 3.519.450 đồng. Bà L phải chịu 3.847.300 đồng, được khấu trừ 1.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 005465 ngày 28/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện , bà L còn phải nộp tiếp 2.247.300 đồng. Ông Ph phải chịu 2.071.525 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 01 tháng 4 năm 2014, ông Ngô Văn Ph kháng cáo không đồng ý với quyết định của án sơ thẩm.

Ngày15/4/2014 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị về án phí.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 309/2014/DS-PT ngày 24/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã xử áp dụng khoản 2 Điều 275, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 25 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 27 và Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu của ông Ngô Văn P; không chấp nhận yêu của bà Ngô Thị L về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị N.

Ông Ngô Văn P được quyền quản lý, sử dụng và được quyền đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu A, diện tích 254m^2 loại ở tại nông thôn, thuộc một phần thửa 2303, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã Long Hựu Đ, huyện C, Long An theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của

Công ty TNHH Mỹ Hưng đo vẽ được Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 10/3/2014.

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Ngô Văn Ph và ông Ngô Văn P về phần lối đi như sau: Ông Ph và ông P được quyền sử dụng lối đi chung có chiều rộng là 1,2m và chiều dài là 29,3m hết phần đất thuộc quyền sử dụng đất của ông Ngô Văn Phát có vị trí:

Đông giáp một phần thửa 2303; Tây giáp thửa 2301; Nam giáp thửa 2451; Bắc giáp thửa 2305, 2303 theo trích đo bản đồ địa chính số 07-2014 đo vẽ ngày 22/9/2014 được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường duyệt.

Về lệ phí đo đạc, thẩm định: Ông P, ông Ph, bà L mỗi người phải chịu 1.177.000 đồng. Bà L, ông Ph mỗi người phải nộp để hoàn lại cho ông P 1.177.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P phải chịu 2.921.000 đồng.

Bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Ngày 27/10/2014 ông Ngô Văn P và bà Ngô Thị L có đơn khiếu nại xem xét Giám đốc thẩm.

Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 302/2017/KN-DS ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị đề nghị hủy bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Quyết định Giám đốc thẩm số 284/2018/DS-GĐT ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận kháng nghị. Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 309/2014/DS-PT ngày 20/9/2014, giao hồ sơ về xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật. Nhận định án phúc thẩm bác yêu cầu đối với phần di sản của cụ Năm là không đúng.

Ngày 19/12/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý lại vụ án.

Ngày 14/01/2019, ông Ngô Văn Ph có đơn xin rút lại việc kháng cáo.

Tại Toà phúc thẩm,

Đồng nguyên đơn ông Ngô Văn P và bà Ngô Thị L không rút đơn khởi kiện. Đồng ý như bản án dân sự sơ thẩm đã xét xử.

Bị đơn ông Ngô Văn Ph giữ nguyên việc rút kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An không rút kháng nghị.

Kiểm sát viên trình bày kháng nghị: Về phần án phí dân sự sơ thẩm, bản án sơ thẩm buộc bà L và ông P mỗi người phải chịu 2.198.450 đồng đối với phần bị bác yêu cầu là không đúng với quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Tòa án nhân dân tối cao. Theo quy định của điều này người không tự xác định được phần của mình trong khối tài sản chung và có tranh chấp thì đương sự chỉ phải chịu án phí trên phần được

chia. Như vậy, ông Phụng và bà Lợi không phải chịu án phí trên phần yêu cầu bị bác.

Các đương sự không có thỏa thuận khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Vụ án này đã được xét xử phúc thẩm nhưng bị Tòa án nhân dân cấp cao Giám đốc thẩm xử hủy phúc thẩm giao về phúc thẩm lại. Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các bên đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Kháng cáo và kháng nghị hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, trước khi mở phiên tòa, bị đơn rút kháng cáo nhưng có đơn xem xét miễn tiền án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút kháng cáo. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đề nghị căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận. Tuy nhiên, khi thụ lý giải quyết lại vụ án, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực. Phía ông P, bà L và ông Ph đều trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm phần án phí, miễn toàn bộ tiền án phí cho ông P, bà L và ông Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Ngô Văn Phát kháng cáo hợp lệ và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị đúng luật định nên được chấp nhận, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ, áp dụng quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử.

[2] Phạm vi xét xử phúc thẩm căn cứ theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Sau khi thụ lý giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm, trước khi mở phiên tòa, bị đơn ông Phát đồng thời là người kháng cáo rút toàn bộ việc kháng cáo. Căn cứ Khoản 3 Điều 248 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần vụ án ông Phát đã kháng cáo. Tuy nhiên, do Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An không rút kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án phần có kháng nghị và nội dung liên quan đến kháng nghị.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An thấy:

[3.1] Điều 12 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật một số quy định về án phí lệ phí Tòa án quy định: *Khi các bên đương sự không xác định được phần tài sản của mình hoặc mỗi người xác định phần tài sản của mình trong khối tài sản chung, phần di sản của mình trong khối di sản thừa kế là khác nhau và có tranh chấp thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế. Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.*

[3.2] Tại điểm a Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án cũng quy định đối với vụ án liên quan đến chia tài sản chung, di sản thừa kế thì nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau:

Khi các bên đương sự không xác định được phần tài sản của mình hoặc mỗi người xác định phần tài sản của mình trong khối tài sản chung, phần di sản của mình trong khối di sản thừa kế là khác nhau và có một trong các bên yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, di sản thừa kế đó thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế. Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trường hợp Tòa án xác định tài sản chung, di sản thừa kế mà đương sự yêu cầu chia không phải là tài sản của họ thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

[4] Do đó kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ. Không buộc ông P và bà L phải chịu án phí phần yêu cầu bị bác.

[5] Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 47 về hiệu lực thi hành của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, khi thụ lý những vụ việc dân sự, vụ án hình sự, vụ án hành chính để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm hoặc phúc thẩm, các vấn đề về tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án được thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

[6] Như vậy, theo điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết này, ông P, bà L và ông Phát được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông P, bà L.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm, ông Ph được miễn nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 293 và Điều 293 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015

Chấp nhận yêu cầu rút kháng cáo của ông Ngô Văn Ph.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn Ph.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An

Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cvề án phí.

Căn cứ các Điều 631, 632, 634, 635, 638, 645, 675 và 676 Bộ luật Dân sự; Các Điều 105, 107 Luật Đất đai năm 2003; Điều 12 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật một số quy định về án phí lệ phí Tòa án; điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu của ông Ngô Văn P và bà Ngô Thị L về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Ngô Văn Đ.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn Phụng và bà Ngô Thị Lợi về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị N:

2.1. Ông Ngô Văn P được quyền quản lý, sử dụng và được quyền đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu A, diện tích 254m^2 loại ở tại nông thôn, thuộc một phần thửa 2303, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã Long Hựu Đ, huyện C, Long An theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Công ty TNHH Mỹ Hưng đo vẽ được Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 10/3/2014.

2.2. Buộc ông Ngô Văn Ph và bà Phan Thị Ng phải tháo dỡ 02 chuồng gia cầm để giao cho bà Ngô Thị L sử dụng diện tích đất 471,1m^2 loại đất trồng cây hàng năm khác, thuộc một phần thửa 2305, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã Long Hựu Đ, huyện C, Long An. Vị trí đất của bà L được xác định thuộc một phần khu B2 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Công ty TNHH Mỹ Hưng đo vẽ được Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 10/3/2014, vị trí đất lấy đường giáp ranh của thửa 2305 và thửa 2301 kéo đều về hướng đường giáp ranh với khu A2 và B1 cho đến khi đủ diện tích 471,1m^2 cho bà Lợi; bà Lợi

được quyền đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia.

2.3. Ông Ngô Văn Ph được quyền quản lý, sử dụng và đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 139m^2 đất thuộc một phần thửa 2303, trong đó có phần đất gắn liền với căn nhà diện tích 110m^2 mà ông Ph và bà Ng hiện nay đang quản lý, sử dụng tại khu A2 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Công ty TNHH Mỹ Hưng đo vẽ được Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 10/3/2014 và lấy đều ra phần đất liền kề với các cạnh của căn nhà sao cho đủ diện tích được chia là 139m^2. Ông Phát được quyền quản lý, sử dụng và đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 135,15m^2 thuộc một phần thửa 2305 bao gồm phần còn lại của khu B2 là 92,7m^2 (563,8 – 471,1 = 92,7) và 42,45m^2 thuộc một phần đất của khu B1 giáp với khu A2.

2. Về lệ phí đo đạc, thẩm định: Ông P, ông Ph, bà L mỗi người phải chịu 1.177.000 đồng. Bà L, ông Ph mỗi người phải nộp để hoàn lại cho ông P 1.177.000đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Miễn tiền án phí cho ông Ngô Văn P. Hoàn trả cho ông P 1.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 005445 ngày 22/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3.2. Miễn tiền án phí cho bà Ngô Thị L. Hoàn trả cho bà L 1.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 005465 ngày 28/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3.3. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Ngô Văn Ph.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn Ph không phải chịu, hoàn trả cho ông Ph 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 08526 ngày 02/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quán

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hồ Chí Tâm – Trần Văn Khánh **Trần Văn Quán**